

Bản án số: 189/2017/DS-PT

Ngày: 19-12-2017

Về việc: Tranh chấp đòi quyền sử
dụng đất và hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải

Các Thẩm phán: 1/. Ông Mai Thiện Kế

2/. Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 30-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956, địa chỉ: Số XX, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H1, theo Văn bản ủy quyền ngày 04-11-2016 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị U1, địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (không triệu tập).

2/. Ông Nguyễn Văn H2 (không triệu tập).

3/. Bà Nguyễn Thị Kim A (Nguyễn Kim A), không triệu tập.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/. Bà Đặng Thị N, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (không triệu tập).

5/. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng (không triệu tập).

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U1, trình bày:

Ông với ông H1 là anh em ruột với nhau. Vào năm 1992, ông được cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn N và cụ Phạm Thị X1 (đều đã chết) cho một phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Việc cho đất chỉ nói bằng lời nói chứ không có làm giấy tờ. Do ông công tác ở tỉnh H, không có điều kiện để trực tiếp canh tác nên ông đã thống nhất với cha mẹ là cho ông H1 mượn canh tác vào năm 1994, khi nào cần thì ông sẽ lấy lại. Ông H1 chỉ canh tác một thời gian thì cho nhiều người khác thuê nhưng không rõ năm nào. Ông biết từ năm 2010 cho đến nay là ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A thuê của ông H1 để canh tác. Những người thuê đất canh tác đã lấn chiếm vào khu mồ mã ông bà của ông. Khi biết được, ông vào ngăn cản thì những người này đòi chém. Ông làm đơn gửi đến chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết nhưng giải quyết, hòa giải không thành. Phần đất tranh chấp trên ông đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04-11-2003, thuộc thửa số 653, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.178m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ của Tòa án, thì diện tích thực tế là 5.993,5 m². Nay ông yêu cầu ông H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N (vợ ông H1), ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A trả lại phần đất tại thửa số 653, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế là 5.993,5 m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với yêu cầu của ông H1, về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M cấp cho ông vào ngày 04-11-2003, phần liên quan đến thửa đất tranh chấp, là ông không đồng ý. Vì UBND huyện M cấp cho ông là đúng quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03 tháng 3 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông H1 không đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông C. Bởi vì, phần đất tranh chấp trên có 02 phần: Phần đất ruộng và phần đất ruộng có hai nền mộ. Phần đất ruộng là của cha mẹ ông H1, là cụ Nguyễn Văn N và cụ Phạm Thị X1 (đều đã chết) cho vợ chồng ông H1 vào khoảng năm 1981-1982, còn phần đất ruộng có hai nền mộ là của cụ Phạm Thị N (đã chết) cho vợ chồng ông H1 trước năm 1982. Việc cho đất chỉ nói bằng lời nói, chứ không có làm giấy tờ, nhưng có nhiều người biết, đó là ông Huỳnh Văn T2, bà Thái Thị T3, bà Thái Thị G, tất cả đều còn sống và hiện nay đang cư trú ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng ông H1 canh tác được một thời gian thì Nhà nước lấy trang trại cho ông K (đã chết). Khi Nhà nước có chủ trương trả lại đất gốc thì vợ chồng ông H1 lấy lại canh tác một thời gian, rồi cho bà U2, ông B1, ông B2 (thuê) canh tác. Đến năm 2010, vợ chồng ông H1 lấy đất lại để cầm cố cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A cho đến nay. Phần đất tranh chấp, vợ chồng ông H1 chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C cho rằng cụ N và cụ X cho ông C phần đất này vào năm 1992 là không đúng.

Việc UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với phần đất tranh chấp vào năm 2003 là trái pháp luật. Vì đất này là của vợ chồng ông H1, nhưng UBND huyện M lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Nay ông H1 yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M cấp cho ông C vào ngày 04-11-2003, đối với phần đất tranh chấp.

Theo bản tự khai đề ngày 03 tháng 6 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông H1 và của người đại diện theo ủy quyền của ông H1 trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 04 tháng 3 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A (Nguyễn Kim A) trình bày:

Phần đất tranh chấp giữa ông C1 và ông H1 hiện nay ông, bà đang trực tiếp canh tác. Lý do là phần đất này ông, bà nhận cầm cố của vợ chồng ông H1 vào năm 2010, hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng ông H1 có vàng thì chuộc lại. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc ông, bà trả đất thì sau này vợ chồng ông H1 phải trả vàng lại cho ông, bà. Ngược lại, ông, bà tiếp tục sử dụng, khi nào ông H1 có vàng chuộc lại đất thì ông, bà trả lại đất cho ông H1. Ngoài ra, ông, bà không có ý kiến gì khác.

Theo văn bản trả lời Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án vào ngày 15 tháng 7 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND huyện M trình bày:

Vào năm 2015, ông H1 có gửi đơn khiếu nại yêu cầu UBND huyện M

xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.178m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, mà UBND huyện M đã cấp cho ông C vào ngày 04-11-2003. Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, UBND huyện có tiến hành xác minh, đối thoại và xác định được việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là có sai sót, cụ thể: Biên bản họp mặt gia đình ngày 08-9-2003 về việc chia đất cho ông C gồm có cụ Phạm Thị X1 (mẹ ông C, ông H1), ông C, ông H1; cả ba người này đều ký tên nhưng thực tế cụ X không biết chữ; qua làm việc, ông H1 cũng không thừa nhận có ký vào biên bản họp mặt gia đình; lúc chính quyền địa phương xác nhận vào biên bản họp mặt gia đình thì cả 03 người này đều không có mặt; qua làm việc với cán bộ địa chính xã thời điểm cấp giấy là ông Quách Âu X2 thì ông X2 xác định hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất không phải do ông C, ông H1 và cụ X1 trực tiếp mang đến UBND xã. Tuy nhiên, đến ngày 01-9-2015, ông H1 rút đơn khiếu nại, không yêu cầu UBND huyện xem xét việc cấp giấy cho ông C nữa, mà yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc tranh chấp đất với ông C. UBND huyện đồng ý với yêu cầu phản tố của ông H1, yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M cấp cho ông C vào ngày 04-11-2003, phần liên quan đến thửa đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 30-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Kim A (Nguyễn Kim A) trả lại diện tích đất tại thửa số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo đo đạc thực tế là 5.993,5m², có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Văn T2 có số đo 45,71m + 30,78m;

- Hướng Tây giáp đất ông Võ Ngọc L có số đo 44,02m;

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị Kim A có số đo 32,89m + 2,17m + 47,5m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H3 và ông Nguyễn Văn H4 có số đo 27,64m + 36,6m + 5,89m + 64,61m.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H1. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 353295, Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 04 tháng 11 năm 2003, đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 10.488.625 đồng (mười triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.530.750 đồng (bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu số 008097 ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng và như vậy ông C còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 5.957.875 đồng (năm triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chịu chi phí, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cũng như thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-9-2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 09/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí với các lý do như sau:

- Nguyên đơn Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Văn H1 trả lại phần đất diện tích cho mượn vào năm 1992. Như vậy, đây là vụ án đòi lại tài sản cho mượn, khi giải quyết vụ án Tòa án không xem xét giá trị mà chỉ xem xét ai là người có quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13-6-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, đối với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Do đó, nguyên đơn C chỉ chịu án phí là 200.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn C phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 10.488.625 đồng là không đúng quy định nêu trên, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn C.

- Bản án dân sự sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 353295 do UBND huyện M cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 04-11-2003, đối với thửa số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tuyên diện tích là bao nhiêu, trong khi đó diện tích theo Giấy chứng nhận là 5.178m², còn diện tích thực tế là 5.993,5m², đồng thời không tuyên tứ cận của phần đất trên là gây khó khăn cho giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn C không rút đơn khởi kiện; bị đơn Nguyễn Văn H1 không rút yêu cầu về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29-9-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng về phần án phí sơ thẩm và quyết định bổ sung diện tích và tứ cận của phần đất tranh chấp trong phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 30-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A (Nguyễn Kim A) trả lại diện tích đất tại thửa số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo đo đạc thực tế là 5.993,5m² (có ghi cụ thể tứ cận của phần đất nêu trên). Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên còn tuyên chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 353295 do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 04-11-2003, đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét lại. Các phần quyết định nêu trên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét thấy:

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Văn H1 (và những người khác trong gia đình của ông H1) trả lại phần đất cho mượn vào năm 1992. Đây là vụ án đòi lại tài sản cho mượn, khi giải quyết vụ án Tòa án không xem xét giá trị mà chỉ xem xét ai là người có quyền sử dụng đất. Khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13-6-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án hướng dẫn: *Đối*

với tranh chấp về đòi tài sản cho mượn, cho ở nhờ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 10.488.625 đồng là không đúng theo hướng dẫn nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn C chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 200.000 đồng.

[4] Bản án dân sự sơ thẩm quyết định: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 353295, do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 04-11-2003, đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không nêu diện tích và tứ cận của thửa đất là có thiếu sót, gây khó khăn trong việc thi hành án, nên cấp phúc thẩm sẽ bổ sung cho đầy đủ. Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phần này là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tứ cận của phần đất tranh chấp chưa chính xác về hướng Tây và hướng Bắc, vì vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 09/QDKNPT-VKS-DS ngày 29-9-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2/. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 30-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

a) Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Kim A

(Nguyễn Kim A) trả lại phần đất diện tích $5.993,5\text{m}^2$ (theo đo đạc thực tế), tại thửa số 653, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Văn T2 có số đo $45,71\text{m} + 30,78\text{m}$;

- Hướng Tây giáp đất của ông Võ Ngọc L có số đo $44,02\text{m}$ và đất của ông Nguyễn Văn H3 có số đo $36,6\text{m}$;

- Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Kim A có số đo $32,89\text{m} + 2,17\text{m} + 47,5\text{m}$;

- Hướng Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn H3 và đất của ông Nguyễn Văn H4 có số đo $27,64\text{m} + 5,89\text{m} + 64,61\text{m}$.

b) Chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 353295 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 04-11-2003, đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.178m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế là $5.993,5\text{m}^2$), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất trên có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông Trần Văn Đ và đất của ông Nguyễn Văn T2 có số đo $45,71\text{m} + 30,78\text{m}$;

- Hướng Tây giáp đất của ông Võ Ngọc L có số đo $44,02\text{m}$ và giáp đất của ông Nguyễn Văn H3 có số đo $36,5\text{m}$;

- Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Văn H1, của ông Nguyễn Văn H2 và của bà Nguyễn Thị Kim A có số đo $32,89\text{m} + 2,17\text{m} + 47,5\text{m}$;

- Hướng Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn H3 và của ông Nguyễn Văn H4 có số đo $27,64\text{m} + 5,89\text{m} + 64,61\text{m}$.

c) Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền $4.530.750\text{đ}$ (bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008097 ngày 06-01-2016, ông C đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Ông C được nhận lại số tiền chênh lệch thừa đã nộp là $4.330.750\text{đ}$ (bốn triệu, ba trăm ba mươi ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Các phần khác trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên không bị cải sửa, không ghi trong phần Quyết định này, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí phúc thẩm: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa DS).

(Đã ký)

Huỳnh Đức Khải